TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Lâm

Bà Nông Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Luyến – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 320/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15/12/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Lã Văn M, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang.
(*Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lã Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/8/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh M không quan tâm đến vợ con, thường xuyên say

rượu về chửi mắng vợ con cả đêm. Anh chị sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung, tên là Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và Lã Thành A, sinh ngày 16/8/2022. Ly hôn chị nhận nuôi 02 cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự khai, bị đơn anh Lã Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/8/2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại thôn T, xã Th. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì trầm trọng, không có cãi chửi, đánh đập gì nhau. Đến khoảng giữa năm 2023, chị L đi làm xa thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phai nhạt. Nay chị L làm đơn ly hôn anh gửi Toà án, anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung, tên là Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và Lã Thành A sinh ngày 16/8/2022. Hiện các cháu đang ở cùng với anh và chị L. Ly hôn anh nhất trí để chị L nuôi cả 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Nịnh Văn V, trưởng thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang, kết quả đều thể hiện: Chị Phạm Thị L và anh Lã Văn M là công dân có nơi thường trú tại thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Chị L và anh M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại thôn T, xã Th. Quá trình chung sống vợ chồng không thấy cãi vã, xô xát gì. Chỉ thấy thời gian gần đây chị L đi làm xa nhà, thi thoảng mới về nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị L có đơn ly hôn anh M gửi Toà án, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung, tên là Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và Lã Thành An, sinh ngày 16/8/2022. Hiện các con chung của anh chị đang ở cùng anh M và chị L ở thôn T, xã Th. Về tài sản chung, anh M và chị L đang ở trên phần đất xây dựng nhà tình nghĩa do Bộ Công an hỗ trợ người nghèo nên không có tài sản chung gì đáng giá; Về vay nợ chung: Anh chị không có.

Tại phiên tòa chị L và anh M có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Bản tự khai và các tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác M, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lã Văn M.

+ Về con chung: Xử giao 02 con chung là cháu Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và cháu Lã Thành A, sinh ngày 16/8/2022 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung; Về nợ chung: Do các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Lã Văn M, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh M có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lã Văn M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/8/2007, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn T, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L đi làm xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh M. Anh M cũng đồng ý ly hôn nhưng vì bận đi làm nên anh không thể lên Toà án giải quyết được.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

***** Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh M xác định có 02 con chung tên là Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và cháu Lã Thành A, sinh ngày 16/8/2022. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều nhất trí để chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại biên bản lấy lời khai con chung, cháu M thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hiện cháu đang học lớp 12, trường THPT Thái Hoà. Còn cháu A vẫn còn nhỏ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần giao 02 cháu Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và cháu Lã Thành A, sinh ngày 16/8/2022 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn theo quy định.

* Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lã Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 16/8/2007 cho chị Phạm Thị L và anh Lã Văn M không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lã Phạm Tuyết M, sinh ngày 26/7/2008 và cháu Lã Thành A, sinh ngày 16/8/2022 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lã Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001751 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, chị L đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Lã Văn M không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2-Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị M Ngọc